

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỤ BẢN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/HS-ST

Ngày 25/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỤ BẢN, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Quốc Mậu.

Ông Trần Xuân Thủy.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Thanh Thảo là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: ông Phạm Ngọc Dũng là Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 59/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2024 đối với:

- Bị cáo: Vũ Văn T, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2001, tại huyện Y, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: thôn A, xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: thợ mộc; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T1, sinh năm 1978 và bà Trần Thị K, sinh năm 1981; chưa có vợ con; tiền án: ngày 29 tháng 11 năm 2022, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; tiền sự: ngày 22 tháng 9 năm 2022, bị Công an huyện Y, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi cố ý gây thương tích theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 135a/QĐ-XPHC; ngày 22 tháng 9 năm 2022, bị Công an huyện Y, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi hủy hoại tài sản theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 135b/QĐ-XPHC; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt

- Bị hại: anh Vũ Đức K, sinh năm 1997 (đã chết);

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: ông Vũ Đức Q, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn T, xã K, huyện Y, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 22 tháng 6 năm 2024, bị cáo Vũ Văn T và anh Vũ Đức K ngồi uống bia hơi cùng nhau tại quán bia của anh Nguyễn Văn C ở thôn A, xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau đó, bị cáo T hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 18D1-397.23 của anh C để chở K ngồi sau đến nhà bạn gái của bị cáo ở thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Khi đến nhà bạn gái, bị cáo đi bộ mang trà sữa vào cho bạn gái còn K ở ngoài và ngồi trên xe mô tô chờ. Khoảng hơn 10 phút sau, bị cáo quay ra để đi về. Lúc này, thấy K đang ngồi ở vị trí lái xe mô tô thì bị cáo nói “thôi để em lái cho”. Nhưng K không nói gì và cứ thế điều khiển xe mô tô. Bị cáo không ngăn cản, phản đối gì và đồng ý để cho K điều khiển xe mô tô còn mình thì lên xe ngồi sau K. Sau đó, K điều khiển xe mô tô đi theo cung đường cũ để về nhà.

Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, K điều khiển xe mô tô đi đến đoạn đường cong thuộc địa phận thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Đoạn đường này trải nhựa asphalt rộng 5,5m, trên mặt đường không có vạch sơn kẻ đường. Lề phải theo chiều hướng xã T đi xã M rộng 0,5m, ngoài lề là đám cỏ, mương thoát nước và cánh đồng. Lề trái theo chiều hướng xã T đi xã M rộng 0,4m, ngoài lề có trang trại nhà ông Trần Văn T2 và sông thoát nước. Theo chiều hướng từ xã T đi xã M thì đường cong về bên trái, đoạn đường này không có hệ thống đèn chiếu sáng, tầm nhìn thoáng và không có biển báo hiệu giao thông nào. Lúc này, trời tối đường vắng, K điều khiển xe mô tô phóng nhanh với tốc độ khoảng 70 km/h (theo lời khai của bị cáo) nên khi đến đoạn đường cong đã đâm thẳng ra ngoài lề đường bên tay phải theo chiều từ xã T đi xã M, cả K và bị cáo bị ngã theo xe mô tô, K ngã úp mặt xuống mương nước ngoài mé đường bên phải, bị cáo ngã và nằm trên bờ mương ngay phía sau cạnh xe mô tô, cả hai đều bất tỉnh, xe mô tô bị đổ sang bên trái xe, phần đầu của xe mô tô cắm xuống nước. Sau khi tỉnh lại, bị cáo bò lên trên mặt đường để hô hoán nhờ người cứu giúp, nhưng đến khi có người dân đi qua đường xuống đưa được K lên thì K đã tử vong, bị cáo bị gãy tay trái, xe mô tô bị hư hỏng.

Vật chứng thu giữ gồm có: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng, đen, bạc, biển kiểm soát 18D1-XXX.XX (xe cũ đã qua sử dụng) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 016484, biển số đăng ký 18D1- XXX.XX tên Nguyễn Văn C do Công an huyện Y, tỉnh Nam Định cấp ngày 21 tháng 12 năm 2016.

Tại bản Kết luận giám định tử thi số 1186/KLGĐTT-KTHS ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định đã kết luận: Nạn nhân Vũ Đức K chết do ngạt nước.

Tại các bản Kết luận giám định độc chất số 095, 096, 097, 098/KLGĐĐC-TTPY ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Ninh Bình kết luận: Mẫu máu của Vũ Đức K, sinh năm 1997 có tìm thấy nồng độ cồn (ethanol) trong máu C = 126,20mg/100ml; có tìm thấy chất ma túy Ketamin, Norketamin trong

máu. Mẫu máu của bị cáo Vũ Văn T, sinh năm 2001 có tìm thấy nồng độ cồn (ethanol) trong máu $C = 52,60\text{mg}/100\text{ml}$; không tìm thấy các chất ma túy trong máu.

Về trách nhiệm dân sự trong vụ án: Gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự.

Về xử lý vật chứng: Ngày 11 tháng 10 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vụ Bản đã trả lại toàn bộ số vật chứng đã thu giữ cho anh Nguyễn Văn C là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với hành vi của anh Nguyễn Văn C là chủ xe mô tô biển kiểm soát 18D1-XXX.XX đã cho bị cáo T mượn xe mô tô vào tối ngày 22 tháng 6 năm 2014 trong khi đã biết bị cáo vừa sử dụng bia tại quán nhà mình. Tuy nhiên, thời điểm xảy ra tai nạn thì K là người lái xe. Do vậy, Công an huyện Vụ Bản đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh C về lỗi giao xe cho bị cáo là người không đủ điều kiện quy định tại khoản 17 Điều 2 của Nghị định số 123/2021/NĐ-CP.

Bản cáo trạng số 63/CT-VKSVB ngày 29 tháng 11 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Vũ Văn T về “Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản thực hiện quyền công tố Nhà nước phát biểu quan điểm luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T phạm “Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 264; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vụ Bản, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Văn T: Lời khai của bị cáo T là phù hợp với các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông; sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông; bản kết luận giám định pháp y tử thi của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định; kết luận độc chất của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Ninh Bình; các biên bản ghi lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Từ các tài liệu, chứng cứ nêu trên đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 22 tháng 6 năm 2024, bị cáo T mặc dù biết Vũ Đức K không có giấy phép lái xe theo quy định, hơn nữa trước đó còn sử dụng bia, trong máu có nồng độ cồn vượt quá mức quy định nhưng bị cáo vẫn giao xe mô tô biển kiểm soát 18D1-XXX.XX cho K điều khiển chở mình ngồi phía sau tham gia giao thông. Khi K điều khiển xe mô tô đến đoạn đường liên xã thuộc thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định, do điều khiển xe mô tô phóng nhanh, không làm chủ được tốc độ nên đã bị mất lái lao xuống ruộng nước bên phải. Hậu quả xảy ra, K tử vong do ngạt nước, bị cáo bị gãy tay trái, xe mô tô bị hư hỏng. Hành vi phạm tội của bị cáo là lỗi vô ý, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, hậu quả làm một người chết. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Như vậy, hành vi vi phạm Luật Giao thông đường bộ của bị cáo đã phạm vào điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự về "Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ". Cáo trạng mà Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản truy tố là có căn cứ.

[3] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và gây thiệt hại tính mạng của người khác, như vậy hành vi phạm tội này là nguy hiểm cho xã hội.

[4] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có tiền án và tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Từ nhận định trên, xem xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát về mức hình phạt, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội là ít nghiêm trọng, nhân thân và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, thì cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo Tính trong vụ án này, thì không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo quy định tại khoản 4 Điều 264 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về việc khấu trừ thu nhập: Tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự quy định trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ, người bị kết án bị khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ Nhà nước. Nhưng xét thấy, bị cáo Tính là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định cho miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị hại không đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết vấn đề bồi thường dân sự. Do vậy, về trách nhiệm dân sự trong vụ án, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng, đen, bạc, biển kiểm soát 18D1-XXX.XX và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 016484, biển số đăng ký 18D1-XXX.XX do Công an huyện Y, tỉnh Nam Định cấp ngày 21 tháng 12 năm 2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vụ Bản đã trả lại cho chủ sở hữu. Việc trả vật chứng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án. Như vậy, cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng là đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án, bị cáo có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm “Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 264; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Vũ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Thời hạn bắt đầu chấp hành án tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Trường hợp bị cáo T vắng mặt, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T.

Trường hợp bị cáo Tính không có việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Vũ Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định Điều 7, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Viện Kiểm sát ND huyện Vụ Bản;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Công an huyện Vụ Bản;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Vụ Bản;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường